

PHẦN THỨ SÁU
QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

CHƯƠNG II QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

MỤC 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 780.

Quyền sở hữu công nghiệp Quyền sở hữu công nghiệp là quyền sở hữu của cá nhân, pháp nhân đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, quyền sử dụng đối với tên gọi xuất xứ hàng hoá và quyền sở hữu đối với các đối tượng khác do pháp luật quy định.

Điều 781.

Các đối tượng sở hữu công nghiệp được Nhà nước bảo hộ Các đối tượng sở hữu công nghiệp được Nhà nước bảo hộ gồm: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá và các đối tượng khác do pháp luật quy định, trừ các đối tượng được quy định tại Điều 787 của Bộ luật này.

Điều 782.

Sáng chế Sáng chế là giải pháp kỹ thuật mới so với trình độ kỹ thuật trên thế giới, có trình độ sáng tạo, có khả năng áp dụng trong các lĩnh vực kinh tế- xã hội.

Điều 783.

Giải pháp hữu ích Giải pháp hữu ích là giải pháp kỹ thuật mới so với trình độ kỹ thuật trên thế giới, có khả năng áp dụng trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất.

Điều 784.

Kiểu dáng công nghiệp Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm, được thể hiện bằng đường nét, hình khối, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố đó, có tính mới đối với thế giới và dùng làm mẫu để chế tạo sản phẩm công nghiệp hoặc thủ công nghiệp.

Điều 785.

nhãn hiệu hàng hoá Nhãn hiệu hàng hoá là những dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ cùng loại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác nhau. Nhãn hiệu hàng hoá có thể là từ ngữ, hình ảnh hoặc sự kết hợp các yếu tố đó được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc.

Điều 786.

Tên gọi xuất xứ hàng hoá Tên gọi xuất xứ hàng hoá là tên địa lý của nước, địa phương dùng để chỉ xuất xứ của mặt hàng từ nước, địa phương đó với điều kiện những mặt hàng này có các tính chất, chất lượng đặc thù dựa trên các điều kiện địa lý độc đáo và ưu việt, bao gồm yếu tố tự nhiên, con người hoặc kết hợp cả hai yếu tố đó.

Điều 787.

Các đối tượng sở hữu công nghiệp không được Nhà nước bảo hộ Nhà nước không bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp trái với lợi ích xã hội, trật tự công cộng, nguyên tắc nhân đạo và các đối tượng khác mà pháp luật về sở hữu công nghiệp quy định không được bảo hộ.

MỤC 2: XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Điều 788.

Xác lập quyền sở hữu công nghiệp theo văn bằng bảo hộ Quyền sở hữu đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá và quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá được xác lập theo văn bằng bảo hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Quyền sở hữu đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp khác cũng được xác lập theo quy định của pháp luật.

Điều 789. Quyền nộp đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ

1- Những người sau đây có quyền nộp đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp:

- a) Tác giả, các đồng tác giả tạo ra sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp bằng công sức và chi phí riêng của mình;
- b) Người sử dụng lao động đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp do người lao động tạo ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao, nếu không có thoả thuận khác;
- c) Cá nhân, pháp nhân giao kết hợp đồng thuê nghiên cứu, triển khai khoa học - kỹ thuật với tác giả, nếu không có thoả thuận khác;
- d) Cá nhân, pháp nhân được chuyển giao sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

2- Cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác sản xuất, kinh doanh hợp pháp có quyền nộp đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá của mình.

3- Cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác sản xuất, kinh doanh sản phẩm đặc biệt tại địa phương có những yếu tố đặc trưng theo quy định tại Điều 786 của Bộ luật này có quyền nộp đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ tên gọi xuất xứ hàng hoá cho sản phẩm của mình.

Điều 790. Quyền ưu tiên

1- Quyền ưu tiên đối với đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá và các đối tượng sở hữu công nghiệp khác do pháp luật quy định được xác định theo ngày ưu tiên.

2- Ngày ưu tiên là ngày đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được xác định theo điều ước quốc tế mà

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

3- Trong trường hợp muốn hưởng quyền ưu tiên theo các điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia, thì phải nêu rõ trong đơn về việc hưởng quyền đó. Người nộp đơn phải chứng minh về quyền ưu tiên của mình.

Điều 791.

Thời hạn bảo hộ Quyền sở hữu đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp được bảo hộ trong thời hạn văn bằng bảo hộ có hiệu lực và có thể được gia hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 792. Huỷ bỏ văn bằng bảo hộ

1- Văn bằng bảo hộ có thể bị huỷ bỏ trong các trường hợp sau đây:
a) Vào thời điểm cấp văn bằng bảo hộ đối tượng nêu trong văn bằng bảo hộ không đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật;
b) Văn bằng bảo hộ được cấp cho người không có quyền nộp đơn;
c) Những trường hợp khác do pháp luật quy định.

2- Trong trường hợp văn bằng bị huỷ bỏ, thì không làm phát sinh quyền sở hữu công nghiệp.

Điều 793.

Đình chỉ hiệu lực của văn bằng bảo hộ

1- Hiệu lực của văn bằng bảo hộ bị đình chỉ trong các trường hợp sau đây:
a) Chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp không nộp lệ phí duy trì hiệu lực của văn bằng bảo hộ đúng thời hạn;
b) Chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hàng hoá, người sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh;
c) Chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hàng hoá không sử dụng hoặc không chuyển giao quyền sử dụng trong thời hạn do pháp luật quy định, kể từ ngày văn bằng bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá có hiệu lực;
d) Những trường hợp khác do pháp luật quy định.

2- Trong trường hợp văn bằng bảo hộ bị đình chỉ hiệu lực, thì quyền sở hữu công nghiệp chấm dứt, kể từ thời điểm hiệu lực của văn bằng bảo hộ bị đình chỉ.

MỤC 3: CHỦ SỞ HỮU CÁC ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP, TÁC GIẢ SÁNG CHẾ, GIẢI PHÁP HỮU ÍCH, KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

Điều 794.

Chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp Cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc được chuyển giao văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá và các đối tượng sở hữu công nghiệp khác là chủ sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá và các đối tượng sở hữu công nghiệp đó.

Điều 795.

Người có quyền sử dụng hợp pháp tên gọi xuất xứ hàng hoá Cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ tên gọi xuất xứ hàng hoá là người có quyền sử dụng hợp pháp tên gọi xuất xứ hàng hoá đó.

Điều 796.

Quyền của chủ sở hữu các đối tượng sở hữu công nghiệp

1- Chủ sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá có các quyền sau đây:

- a) Độc quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;
- b) Chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp cho người khác;
- c) Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc người có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của mình phải chấm dứt hành vi xâm phạm và bồi thường thiệt hại.

2- Quyền sở hữu đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá có thể được để thừa kế hoặc chuyển giao cho người khác.

Điều 797.

Quyền của người có quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá

1- Người có quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá có các quyền sau đây:

- a) Sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá cho các sản phẩm của mình;
- b) Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc người sử dụng bất hợp pháp tên gọi xuất xứ hàng hoá phải chấm dứt việc sử dụng bất hợp pháp đó và bồi thường thiệt hại.

2- Quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá không được chuyển giao cho người khác bằng bất cứ hình thức nào.

Điều 798.

Nghĩa vụ của chủ sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp Chủ sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp có các nghĩa vụ sau đây:

1- Trả thù lao cho tác giả trong trường hợp tác giả không đồng thời là chủ sở hữu, nếu chủ sở hữu và tác giả không có thoả thuận khác;

2- Nộp lệ phí duy trì hiệu lực của văn bằng bảo hộ;

3- Sử dụng hoặc chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp cho người khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 802 của Bộ luật này.

Điều 799.

Tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp

1- Tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp là người sáng tạo ra sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp đó.

2- Các đồng tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp là những người cùng sáng tạo ra sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp đó.

Điều 800.

Quyền của tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp

1- Tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp có các quyền sau đây:

- a) Ghi tên vào văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và các tài liệu khoa học khác;
- b) Nhận thù lao khi sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp được sử dụng, nếu chủ sở hữu và tác giả không có thoả thuận khác;
- c) Yêu cầu Toà án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả của mình;
- d) Nhận giải thưởng đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp mà mình là tác giả.

2- Đồng tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp có các quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

MỤC 4: SỬ DỤNG HẠN CHẾ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Điều 801.

Quyền của người đã sử dụng trước sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp Người đã sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp trước ngày chủ sở hữu nộp đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ, thì có quyền tiếp tục được sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp đó, nhưng không được mở rộng khối lượng, phạm vi áp dụng và không được chuyển giao quyền sử dụng cho người khác.

Điều 802.

Chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền Trên cơ sở đơn yêu cầu của người có nhu cầu sử dụng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể ra quyết định buộc chủ sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp phải chuyển giao có thù lao quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp trong các trường hợp sau đây:

1- Chủ sở hữu không sử dụng hoặc sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp không phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước mà không có lý do chính đáng;

2- Người có nhu cầu sử dụng đã cố gắng dùng nhiều hình thức để thoả thuận với chủ sở hữu mặc dù đã đưa ra mức giá hợp lý, nhưng chủ sở hữu vẫn từ chối ký kết hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;

3- Việc sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp nhằm đáp ứng các nhu

cầu quốc phòng, an ninh quốc gia, phòng bệnh, chữa bệnh cho nhân dân và các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội.

Điều 803.

Sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp không phải xin phép, không phải trả thù lao cho chủ sở hữu Trong thời hạn văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp có hiệu lực, mọi cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác đều có thể sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp mà không phải xin phép, không phải trả thù lao cho chủ sở hữu, nếu:

1- Việc sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp đó không nhằm mục đích kinh doanh;

2- Lưu thông và sử dụng các sản phẩm đó do chủ sở hữu, người có quyền sử dụng trước, người được chuyển giao quyền sử dụng đưa ra thị trường;

3- Sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp trên các phương tiện vận tải của nước ngoài đang quá cảnh hoặc tạm thời ở trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mà việc sử dụng chỉ nhằm mục đích duy trì hoạt động của các phương tiện đó.

MỤC 5: BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Điều 804.

Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

1- Người nào sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp của người khác trong thời hạn bảo hộ mà không xin phép chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp, thì bị coi là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, trừ các trường hợp quy định tại Điều 801 và Điều 803 của Bộ luật này.

2- Khi quyền sở hữu công nghiệp bị xâm phạm, thì chủ sở hữu có quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều 796 của Bộ luật này.

Điều 805.

Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

1- Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu đối với sáng chế, giải pháp hữu ích theo quy định của khoản 1 Điều 804 của Bộ luật này bao gồm:

- a) Sản xuất sản phẩm theo sáng chế, giải pháp hữu ích được bảo hộ tại Việt Nam;
- b) Sử dụng, nhập khẩu, quảng cáo, lưu thông sản phẩm mà sản phẩm đó được sản xuất theo sáng chế, giải pháp hữu ích được bảo hộ tại Việt Nam;
- c) áp dụng các phương pháp mà phương pháp đó được bảo hộ tại Việt Nam là sáng chế, giải pháp hữu ích.

2- Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 804 của Bộ luật này bao gồm:

- a) Sản xuất sản phẩm theo kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ tại Việt Nam;
- b) Nhập khẩu, bán, quảng cáo hoặc sử dụng các sản phẩm chế tạo theo

kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ tại Việt Nam nhằm mục đích kinh doanh.

3- Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu đối với nhãn hiệu hàng hoá quy định tại khoản 1 Điều 804 của Bộ luật này bao gồm:

- a) Gắn nhãn hiệu được bảo hộ tại Việt Nam của người khác hoặc nhãn hiệu tương tự lên bao bì, sản phẩm của mình;
- b) Nhập khẩu, bán hoặc chào hàng các sản phẩm có gắn nhãn hiệu hàng hoá được bảo hộ tại Việt Nam trên thị trường Việt Nam.